

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang giai đoạn 2020 - 2024**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại tờ trình số 1847/TTr-STC ngày 31/12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang giai đoạn 2020 - 2024 với các nội dung cụ thể theo Phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa giai đoạn 2020 - 2024 được phê duyệt, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định. Thực hiện gửi và công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Công ty TNHH MTV Phà AG;
- VPUBND tỉnh: CVP & P. KTTH;
- Lưu: HCTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Lê Văn Nưng**



## PHỤ LỤC

**Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa  
của Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang giai đoạn 2020 – 2024**  
(Kèm theo Quyết định số 3232/QĐ-UBND ngày 31/12/2019  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### I. Mục tiêu tổng quát

#### 1. Mục tiêu kinh doanh:

a) Tập trung vào ngành nghề chính của Công ty là cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội và quốc phòng, an ninh; đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng giao thông đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại đơn vị; góp phần đảm bảo vấn đề an sinh xã hội, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động.

b) Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp một cách toàn diện từ mô hình tổ chức, quản lý, nguồn nhân lực, ngành nghề hoạt động, chiến lược phát triển, nâng cao năng suất lao động nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong thời kỳ mới; nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phù hợp với lĩnh vực, ngành nghề hoạt động của doanh nghiệp; tổ chức triển khai thực hiện công tác cổ phần hóa doanh nghiệp theo đúng kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 16/9/2019.

#### 2. Định hướng phát triển:

a) Thực hiện tái cơ cấu công ty một cách toàn diện từ mô hình tổ chức, quản lý, nguồn nhân lực, ngành nghề hoạt động, chiến lược phát triển. Tổ chức lại công ty cho phù hợp với thực trạng và yêu cầu nhiệm vụ.

b) Hoàn thiện các thể chế, chính sách, nâng cao năng suất lao động đáp ứng nhu cầu xã hội trong thời kỳ mới; nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ phù hợp với lĩnh vực, ngành nghề đang hoạt động.

c) Thực hiện công tác cổ phần hóa đúng theo lộ trình của chủ sở hữu đề ra. Dự kiến trong Quý IV năm 2020 sẽ hoàn tất việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

### II. Nội dung

1. Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông đường thủy, lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy.

#### 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm giai đoạn 2020 – 2024:

- Hoàn tất công tác cơ cấu, sắp xếp lại lao động khối trực tiếp và thực hiện cơ cấu lại khối gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả; thực hiện các giải pháp đồng bộ để nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, hàng hóa đảm bảo an toàn, nhanh chóng, phục vụ văn minh - ứng xử văn hóa;



- Đổi mới cơ chế quản lý tiền lương, tiền thưởng nhằm thực sự chủ động trong việc trả lương, trả thưởng gắn liền với năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và người lao động, qua đó thu hút lao động có trình độ cao vào làm việc;

- Tiếp tục phát huy thế mạnh của doanh nghiệp trong lĩnh vực vận chuyển phà, tăng cường công tác quản trị tại các đơn vị trực thuộc, rà soát, đánh giá, phân tích về các khoản chi phí trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm xây dựng phương án khoán chi phí hoạt động cho từng đơn vị trực thuộc;

- Dự kiến quý 2/2020 sẽ kết thúc hoạt động bến phà Ô Môi và hoàn tất công tác bàn giao về cho Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên quản lý; tổ chức thực hiện liên kết trong vận hành, khai thác bến phà Tân Châu - Hồng Ngự.

\* Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm giai đoạn 2020 - 2024, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>183.100</b>	<b>185.183</b>	<b>188.246</b>	<b>202.196</b>	<b>206.833</b>
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	"	180.100	183.183	186.846	200.846	206.133
2	Doanh thu hoạt động tài chính	"	2.500	1.500	1.200	1.000	400
3	Thu nhập khác	"	500	500	200	350	300
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>"</b>	<b>182.400</b>	<b>183.200</b>	<b>186.200</b>	<b>199.700</b>	<b>203.800</b>
1	Giá vốn hàng bán	"	165.535	166.051	168.855	182.199	185.894
2	Chi phí hoạt động tài chính	"	2.767	2.731	2.840	2.897	2.608
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	"	14.060	14.368	14.500	14.613	15.342
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận:</b>	<b>Tr.đ</b>					
1	Lợi nhuận trước thuế	"	700	2.000	2.000	2.500	3.000
2	Thuế TNDN	"	140	400	400	500	600
3	Lợi nhuận sau thuế	"	560	1.600	1.600	2.000	2.400
<b>IV</b>	<b>Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ</b>						
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH (%)	%	0,3%	1,0%	1,0%	1,2%	1,4%
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Tr.đ	280	800	800	1.000	1.200
3	Trích quỹ khen thưởng BDH	"	28	80	80	100	200
4	Trích quỹ đầu tư phát triển	"	56	160	160	200	240
5	Chia cổ tức	"	196	560	560	700	840
<b>V</b>	<b>Vốn điều lệ dự kiến</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>167.520</b>	<b>167.520</b>	<b>167.520</b>	<b>167.520</b>	<b>167.520</b>